

**Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 15-7-2024
V/v: “Tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vũ
2. Ông Lê Ngọc Thơm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thụy Khánh H – sinh năm 1979. Có mặt.
Địa chỉ: Khu phố 2, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T - sinh năm 1969 và bà Lê Thị Kinh T - sinh năm 1973. Vắng mặt.
Địa chỉ: Khu phố 3, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, ông Trần Thụy Khánh H – nguyên đơn trình bày:**

Ngày 01/01/2023 (âm lịch) ông H có cho vợ chồng ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T vay số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), mục đích để kinh doanh.

Việc vay tiền có lập giấy vay tiền ngày 01/01/2023 (âm lịch), vợ chồng ông T bà T có ký tên vào. Vợ chồng ông T bà T có hạn đến ngày 30/6/2023 (âm lịch) sẽ trả hết số tiền 2.000.000.000. Nếu qua ngày 30/6/2023 mà chưa có tiền để trả cho ông H thì vợ chồng ông T bà T phải đứng ra thế chấp một cuốn sổ đỏ tương ứng với số tiền đã vay trên. Nhưng đến ngày 15/5/2024 nhằm ngày 08/4/2024 (âm lịch) mà vợ chồng ông T bà T vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho ông H.

Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải trả cho ông Trần Thụy Khánh H số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), không yêu cầu lãi suất.

*** Bị đơn: Bà Lê Thị Kinh T trình bày:**

- Bà Lê Thị Kinh T thừa nhận có vay của ông Trần Thụy Khánh H số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất trả hàng tháng là 180.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất, đầu tư kinh doanh. Số tiền vay của ông H bà T đã mua đất ở xã T. H, huyện H. T, hiện nay thửa đất này chưa bán. Bà T thừa nhận vợ chồng bà có ký tên vào giấy vay tiền do ông H đã nộp. Bà T thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng bà. Bà T vay tiền để đầu tư kinh doanh mua đất bán lại kiếm tiền phục vụ nuôi con cái, lo cuộc sống chung của vợ chồng bà. Vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ông H, bà T đã trả tiền lãi cho ông H là 200.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Quang T: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải trả cho ông Trần Thụy Khánh H số tiền 2.000.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Lê Thị Kinh T và ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét đơn khởi kiện của ông Trần Thụy Khánh H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, phía bị đơn có địa chỉ tại khu phố 3, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T bà T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T bà T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải thì bà T thừa nhận vợ chồng bà có vay tiền của ông H 2.000.000.000 đồng, nhưng ông T vắng mặt nên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Phía nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T bà T phải trả số tiền nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 01/01/2023 (âm lịch) thể hiện: “Vợ chồng ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T có vay ông Trần Thụy Khánh H số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ), mục đích vay tiền để kinh doanh, hạn đến ngày 30/6 âm lịch 2023 trả gốc hai tỷ (ngày dương lịch là 28/7/2023), qua ngày 30/6/2023 mà chưa trả thì phải ra thế chấp một cuốn sổ đỏ tương ứng với số tiền đã mượn là 2.000.000.000 đồng. Trường hợp chưa có sổ đỏ thế chấp thì tôi sẽ hoàn toàn trả lại số tiền đã vay cho ông H”. Giấy vay tiền có chữ ký và chữ viết của ông T bà T.

Xét về thời hạn của hợp đồng cho vay tiền trên tính đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn nên phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ được các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình giải quyết, bà T thừa nhận có vay của ông H số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất, đầu tư kinh doanh mua đất bán lại kiếm tiền phục vụ nuôi con cái, lo cuộc sống chung của vợ chồng bà. Số tiền vay của ông H bà T đã mua đất ở xã T.H, huyện H.T, hiện nay thửa đất này chưa bán. Bà T thừa nhận vợ chồng bà có ký tên vào giấy vay tiền do ông H đã nộp. Bà T thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng và bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ông H. Vì vậy, từ những căn cứ trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận: Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải trả cho ông Trần Thụy Khánh H số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463 và 466, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải trả cho ông Trần Thụy Khánh H số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải chịu 72.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Thụy Khánh H số tiền 36.000.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011586 ngày 30/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

